

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Quyết định số 163/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2016 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 853/QĐ-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án “Chương trình quốc gia về học tập ngoại ngữ cho cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2019-2030”; Kế hoạch số 1845/KH-UBND ngày 27 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Đề án “Bồi dưỡng kiến thức dân tộc đối với cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2018-2025”;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 331 /TTr-SNV ngày 29 tháng 04 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Nội vụ, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Thủ trưởng các sở, ngành có liên quan và Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố căn cứ Quyết định thi hành. /.

Nơi nhận: *lưu*

- Như điều 3;
- Bộ Nội vụ;
- Vụ ĐTBĐ-BNV;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- LĐVP; Phòng NC;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu VT, VP. UBND tỉnh.

10

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**10 CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Mạnh Hùng

KẾ HOẠCH

Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1171/QĐ-UBND ngày 24 tháng 5 năm 2021 của
UBND tỉnh Tây Ninh)*

Thực hiện Quyết định số 163/QĐ-TTg ngày 25/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2016 – 2025, Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh xây dựng Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030, cụ thể như sau:

PHẦN I

ĐỐI TƯỢNG, YÊU CẦU, MỤC TIÊU ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG

I. ĐỐI TƯỢNG

1. Cán bộ, công chức đang công tác trong các cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội ở cấp tỉnh và cấp huyện trên địa bàn.
2. Cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.
3. Viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi là viên chức).
4. Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Tây Ninh.

II. YÊU CẦU

1. Nâng cao toàn diện chất lượng, hiệu quả hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, đáp ứng yêu cầu của thời kỳ mới.
2. Bảo đảm nâng cao năng lực, kỹ năng thực thi công vụ được giao; ý thức trách nhiệm, đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp; gắn đào tạo, bồi dưỡng với nhu cầu và quy hoạch sử dụng lâu dài. Có cơ chế khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức nữ, người dân tộc thiểu số; cán bộ, công chức, viên chức công tác tại vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn học tập nâng cao trình độ, năng lực làm việc; cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo bồi dưỡng phải đúng đối tượng, phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị theo vị trí việc làm; đào tạo bồi dưỡng phải có trọng tâm, trọng điểm, gắn đào tạo, bồi dưỡng với bố trí sử dụng và quản lý cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng.

3. Gắn trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan quản lý, người đứng đầu đơn vị sử dụng, cử cán bộ, công chức, viên chức tham gia đào tạo, bồi dưỡng đối với công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức từ tỉnh đến cơ sở có phẩm chất và năng lực chuyên môn cao, có bản lĩnh chính trị vững vàng, có kinh nghiệm thực tiễn, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, trình độ lý luận chính trị, kỹ năng công vụ chuyên nghiệp, góp phần đẩy nhanh tiến trình thực hiện Kế hoạch tỉnh giảm biên chế và số lượng người làm việc cũng như cơ cấu tổ chức bộ máy trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp nhà nước và các tổ chức chính trị xã hội một cách hiệu quả; đảm bảo tính chuyên nghiệp trong xử lý công việc chuyên môn của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, đáp ứng yêu cầu phục vụ nhân dân, đẩy nhanh sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh theo hướng bền vững và nhằm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 và những năm tiếp theo.

2. Mục tiêu cụ thể, phấn đấu đến năm 2025

a) Đối với cán bộ, công chức ở cấp tỉnh và cấp huyện:

- Trình độ chuyên môn: 100% cán bộ, công chức cấp tỉnh, cấp huyện đạt trình độ chuyên môn đáp ứng theo yêu cầu của vị trí việc làm.

- Bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn chức danh, chức vụ gồm: Bồi dưỡng đối với lãnh đạo, quản lý cấp sở và tương đương; bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý cấp huyện; bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương; Phấn đấu hàng năm 100% cán bộ, công chức đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn quy định trước khi bổ nhiệm ngạch, bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý.

- Bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số: 80% cán bộ, công chức, viên chức trực tiếp tham mưu, theo dõi về công tác dân tộc ở cơ quan cấp tỉnh, cấp huyện; cán bộ, công chức cấp xã; Bí thư chi bộ ở địa bàn đông đồng bào dân tộc thiểu số, tiếp xúc làm việc trực tiếp với đồng bào dân tộc thiểu số được bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số.

- Bồi dưỡng ngoại ngữ, tin học, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh theo tiêu chuẩn yêu cầu: Hàng năm, 80% cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo, bồi dưỡng theo chương trình, kế hoạch đề ra của tỉnh.

b) Đối với viên chức

- Ít nhất 80% và đến năm 2030, 100% viên chức được bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp.

- 100% viên chức giữ chức vụ quản lý được bồi dưỡng năng lực, kỹ năng quản lý trước khi bổ nhiệm.

- Hàng năm ít nhất 60% viên chức được bồi dưỡng về đạo đức nghề nghiệp, cập nhật nâng cao kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành.

c) Đối với đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp

- Tổ chức trang bị, cập nhật kiến thức kỹ năng và phương pháp hoạt động cho 100% đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021- 2026.

- Đại biểu được bồi dưỡng cập nhật kiến thức, kỹ năng và phương pháp hoạt động ít nhất 01 lần trong nhiệm kỳ.

d) Đối với cán bộ, công chức cấp xã và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã

- 100% cán bộ, công chức cấp xã có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên; 90% công chức cấp xã có trình độ chuyên môn phù hợp với vị trí đảm nhiệm.

- Bảo đảm những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được bồi dưỡng cập nhật và nâng cao kỹ năng, phương pháp hoạt động ít nhất 02 năm 01 lần.

- 80% cán bộ, công chức cấp xã người dân tộc Kinh công tác tại vùng có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống sử dụng được ít nhất một thứ tiếng dân tộc tại địa bàn công tác.

PHẦN II

NỘI DUNG, CHỈ TIÊU ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG

I. NỘI DUNG ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG

1. Đào tạo chuyên môn

a) Đào tạo trình độ đại học các ngành thuộc lĩnh vực Y tế (bác sĩ đa khoa và các chuyên khoa hiếm).

b) Đào tạo trình độ sau đại học phù hợp với vị trí việc làm cho cán bộ, công chức ở cấp tỉnh, cấp huyện bảo đảm theo quy hoạch và yêu cầu phát triển nguồn nhân lực của cơ quan, đơn vị.

c) Khuyến khích tự học và đào tạo trình độ sau đại học cho viên chức phù hợp với chuyên môn, gắn với quy hoạch sử dụng lâu dài đáp ứng yêu cầu xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao, sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

2. Bồi dưỡng nghiệp vụ, kỹ năng, kiến thức

a) Kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước

- Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn chức danh công chức; tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức; tiêu chuẩn chức vụ lãnh đạo, quản lý.

- Cập nhật kiến thức, kỹ năng, phương pháp quản lý chuyên ngành; kiến thức, phương pháp thực hiện nhiệm vụ, công vụ được giao.

- Cập nhật kiến thức pháp luật; văn hóa công sở; nâng cao ý thức đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp.

b) Bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh theo các chương trình quy định cho cán bộ, công chức, viên chức.

c) Cập nhật và nâng cao kiến thức, năng lực hội nhập quốc tế.

d) Bồi dưỡng kiến thức tin học, ngoại ngữ theo tiêu chuẩn quy định; tiếng dân tộc cho cán bộ, công chức, viên chức công tác tại vùng có đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống.

đ) Bồi dưỡng kiến thức pháp luật; kiến thức, kỹ năng và phương pháp hoạt động cho đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.

II. CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH GIAI ĐOẠN 2021-2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

1. Đào tạo (trong nước)

a) Đào tạo trình độ đại học

Đào tạo trình độ đại học các ngành thuộc lĩnh vực Y tế (bác sĩ đa khoa và các chuyên khoa hiếm); chỉ tiêu đào tạo giai đoạn 2021-2025: 500 lượt (mỗi năm 100 chỉ tiêu).

b) Đào tạo trình độ sau đại học

Trên cơ sở đánh giá nhu cầu đào tạo sau đại học của các cơ quan, đơn vị trong tỉnh với chủ trương nhằm phù hợp với mục tiêu, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh trong từng giai đoạn, hàng năm Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ liên kết, phối hợp cùng các cơ sở đào tạo sau đại học và ban hành chính sách hỗ trợ đào tạo sau đại học cho cán bộ, công chức, viên chức trong tỉnh tham gia đào tạo theo kế hoạch; chỉ tiêu đào tạo sau đại học các ngành giai đoạn 2021-2025: 500 lượt.

2. Chỉ tiêu bồi dưỡng nghiệp vụ, kỹ năng, kiến thức (trong nước)

a) Về kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp

- Chương trình chuyên viên cao cấp: 10 chỉ tiêu/năm (hàng năm, nếu không tổ chức lớp tại tỉnh sẽ cử tham gia học tại Phân viện Học viện Hành chính tại Thành phố Hồ Chí Minh).

- Chương trình chuyên viên chính: 80 chỉ tiêu/năm (hàng năm, nếu không tổ chức lớp tại tỉnh sẽ cử đi học tại Phân viện Học viện Hành chính tại Thành phố Hồ Chí Minh).

- Chương trình chuyên viên: 200 chỉ tiêu/năm (mỗi năm tổ chức từ 02 đến 04 lớp tại Trường Chính trị tỉnh hoặc phối hợp với các cơ sở có chức năng đào tạo theo quy định).

- Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước cho cán bộ, công chức lãnh đạo quản lý các cấp của địa phương: 200 chỉ tiêu/năm.

b) Về bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ các ngành: Trên cơ sở Bộ, ngành chuyên môn ban hành các quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp theo vị trí việc làm và theo hạng chức danh nghề nghiệp; hàng năm Ủy ban nhân dân tỉnh tạo điều kiện cho mỗi Sở, ngành của tỉnh phối hợp, tổ chức các lớp bồi dưỡng 01 khóa/sở, ngành về chuyên môn nghiệp vụ theo tiêu chuẩn hạng chức danh nghề nghiệp đối với vị trí việc làm.

c) Ngoại ngữ

Thực hiện Kế hoạch triển khai Đề án “Chương trình quốc gia về học tập ngoại ngữ cho cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2019-2030” được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 853/QĐ-UBND ngày 24/4/2020; Với mục tiêu tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực ngoại ngữ cho cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và khung năng lực theo quy định; Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, có chất lượng cao, có số lượng, cơ cấu hợp lý và có khả năng sử dụng ngoại ngữ thành thạo trong công việc và làm việc trong môi trường quốc tế. Đến năm 2025 phấn đấu tổ chức bồi dưỡng nâng cao năng lực ngoại ngữ cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đạt tỷ lệ như sau:

- 25% cán bộ, công chức cấp tỉnh, cấp huyện ở địa phương (tập trung vào cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý từ cấp phòng và tương đương trở lên dưới 40 tuổi) đạt trình độ ngoại ngữ bậc 4 trở lên theo quy định.

- 60% viên chức và 50% viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý đạt trình độ ngoại ngữ bậc 4 trở lên theo quy định.

- 20% cán bộ, công chức xã và 15% cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý cấp xã dưới 40 tuổi công tác tại địa bàn hoặc lĩnh vực có yêu cầu sử dụng ngoại ngữ đạt trình độ ngoại ngữ bậc 3 trở lên theo quy định.

- Tiếng Khmer: Mỗi năm tổ chức từ 01 đến 02 lớp (số lượng 50 người/lớp).

* Đến năm 2030 đảm bảo tăng cường bồi dưỡng nâng cao năng lực ngoại ngữ cả về số lượng và chất lượng cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đạt tỷ lệ như sau:

- 35% cán bộ, công chức cấp tỉnh, cấp huyện ở địa phương (tập trung vào cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý từ cấp phòng và tương đương trở lên dưới 40 tuổi) đạt trình độ ngoại ngữ bậc 4 trở lên theo quy định và ngoại ngữ chuyên ngành.

- 70% viên chức và 60% viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý đạt trình độ ngoại ngữ bậc 4 trở lên theo quy định và ngoại ngữ chuyên ngành.

- 30% cán bộ, công chức xã và 25% cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý cấp xã dưới 40 tuổi công tác tại địa bàn hoặc lĩnh vực có yêu cầu sử dụng ngoại ngữ đạt trình độ ngoại ngữ bậc 3 trở lên theo quy định và ngoại ngữ chuyên ngành.

d) Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng và phương pháp hoạt động cho đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 – 2026: UBND tỉnh xây dựng Kế hoạch

và tổ chức bồi dưỡng đại biểu HĐND các cấp theo hướng dẫn số 1268/BNV-ĐT ngày 28/3/2021 của Bộ Nội vụ.

3. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức (ở nước ngoài)

Cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài theo các chỉ tiêu, đề án, thông báo chiêu sinh của các Bộ, ngành trung ương và của tỉnh

(kèm theo các biểu mẫu Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2021 - 2025)

PHẦN III

NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Nâng cao nhận thức về vai trò, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị quản lý và sử dụng cán bộ, công chức, viên chức trong việc bảo đảm chất lượng, hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng

- Đào tạo, bồi dưỡng phải căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn các ngạch, chức danh công chức, viên chức; tiêu chuẩn chức danh, chức vụ lãnh đạo, quản lý và nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của các cơ quan, đơn vị; đào tạo bồi dưỡng phải có trọng tâm, trọng điểm, gắn đào tạo, bồi dưỡng với bố trí sử dụng và quản lý cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng.

- Xây dựng cơ chế đề cao trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị sử dụng cán bộ, công chức, viên chức trong việc xác định nhu cầu và cử cán bộ, công chức, viên chức tham dự các khóa đào tạo, bồi dưỡng, bảo đảm hiệu quả gắn với yêu cầu công việc.

- Tỉnh đã đưa nội dung đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức vào tiêu chí thang điểm thi đua hàng năm của cơ quan, đơn vị cũng như nội dung đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức năm.

- Xây dựng cơ chế khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức học và tự học để đáp ứng yêu cầu trình độ theo quy định, không ngừng nâng cao trình độ và năng lực làm việc.

- Phối hợp với các cơ sở đào tạo trên cả nước định hướng, tạo điều kiện thuận lợi trong công tác đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ sinh viên, học sinh tham gia học tập các chuyên ngành đặc thù, ngành kỹ thuật cao nhằm mục tiêu phát triển nguồn nhân lực cho địa phương trong những năm tiếp theo.

2. Nâng cao năng lực quản lý công tác đào tạo, bồi dưỡng

- Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng trang bị kỹ năng, phương pháp điều hành cho đội ngũ cán bộ, lãnh đạo, quản lý các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ, kỹ năng và phương pháp quản lý cho công chức, viên chức tham mưu quản lý công tác đào tạo, bồi dưỡng của các bộ, ngành, địa phương: cử cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo quản lý và cán bộ, công chức, viên chức trực tiếp tham mưu công tác đào tạo, bồi dưỡng của cơ quan, đơn vị tham gia đầy đủ các lớp học tập, trao đổi kinh nghiệm quản lý và thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng do các Bộ, ngành triển khai, tổ chức hằng năm.

- Tổ chức các chương trình giao lưu, học tập kinh nghiệm, chia sẻ kinh nghiệm cùng các địa phương trong cả nước.

- Tăng cường đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng công lập của địa phương có đủ năng lực đáp ứng yêu cầu đào tạo, bồi dưỡng.

- Có các chính sách hỗ trợ, thực hiện công tác xã hội hóa trên các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa... nhằm nâng cao chất lượng giáo dục, các nhà đầu tư phát triển giáo dục tại Tây Ninh được các ngành, các cấp tạo điều kiện cho hưởng các chính sách ưu đãi, hỗ trợ như: cho thuê đất, hỗ trợ về thuế, hỗ trợ lãi suất để xây dựng cơ sở vật chất...

3. Xây dựng hệ thống thể chế đồng bộ, khoa học

- Khuyến khích đào tạo và hỗ trợ kinh phí đào tạo sau đại học cho cán bộ, công chức, viên chức theo danh mục đào tạo sau đại học được UBND tỉnh ban hành hằng năm (*chú trọng những ngành nghề tỉnh đang thu hút*); đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài theo các chỉ tiêu do các cấp ngành phân bổ.

- Tiếp tục thực hiện các chính sách hỗ trợ kinh phí đào tạo trình độ đại học (các ngành thuộc lĩnh vực y tế) và sau đại học đối với các chuyên ngành theo nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

4. Hình thức đào tạo, bồi dưỡng

- Áp dụng các hình thức tập trung, không tập trung, vừa làm vừa học phù hợp với mục tiêu, chương trình, nội dung đào tạo, bồi dưỡng.

- Phối hợp các Bộ, ngành và cơ quan, đơn vị có chức năng đào tạo, bồi dưỡng để xây dựng các chương trình, mô hình đào tạo theo hình thức trực tuyến (online) bảo đảm phù hợp với điều kiện, môi trường làm việc của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

PHẦN IV KINH PHÍ THỰC HIỆN

Trên cơ sở Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2021-2025; hàng năm Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo từng năm từ nguồn

ngân sách của địa phương, của Trung ương (nếu có), từ các chương trình hỗ trợ và từ các nguồn kinh phí khác.

PHẦN V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nội vụ

- Chịu trách nhiệm chủ trì phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra và đôn đốc các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh thực hiện có hiệu quả, đảm bảo chất lượng trong thực hiện kế hoạch và tiến độ theo quy định.

- Hàng năm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và Quyết định ban hành Danh mục ngành nghề thu hút, danh mục ngành nghề đào tạo sau đại học.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh và các cấp, ngành có liên quan việc báo cáo sơ kết, tổng kết tình hình thực hiện kế hoạch giai đoạn 2021 – 2025 theo quy định.

2. Sở Tài chính

- Căn cứ tình hình ngân sách của địa phương, hàng năm phối hợp cùng Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nội vụ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Tây Ninh.

- Hướng dẫn, kiểm tra các cơ quan, đơn vị sử dụng kinh phí đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo đúng các quy định hiện hành.

3. Sở Kế hoạch Đầu tư

Phối hợp Sở Nội vụ huy động các nguồn tài trợ và cân đối, bố trí đủ kinh phí cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo kế hoạch, phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương.

4. Các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức

- Chủ động nghiên cứu, đổi mới chương trình, phương pháp nâng cao chất lượng đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo các nội dung, chương trình đúng theo quy định và đã được phân cấp.

- Xây dựng đội ngũ giảng viên có năng lực, trình độ và cơ cấu hợp lý, tăng cường sử dụng và xác định việc xây dựng đội ngũ giảng viên thỉnh giảng.

- Xây dựng, hiện đại hoá các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

5. Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh

Các sở, ban, ngành, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo thực hiện tốt công tác quy hoạch, xây

dựng Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm nhằm đảm bảo chuẩn hóa các mặt của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định; đảm bảo hoàn thành mục tiêu, phù hợp với thực tế của cơ quan, đơn vị, địa phương và mục tiêu chung của Kế hoạch.

Triển khai Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2021-2025 của đơn vị đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức; làm cơ sở xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức hàng năm; định kỳ 6 tháng, năm báo cáo các cơ quan có thẩm quyền theo đúng quy định./.



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC Ở TRONG NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
(kèm theo Quyết định số **117**/QĐ-UBND ngày **24** tháng **5** năm 2021 của UBND tỉnh Tây Ninh)

BM-01/DT

TT	Đối tượng	Quan lý nhà nước						Chuyên môn						Kiến thức kỹ năng chuyên ngành		Kỹ năng hành đạo quản lý				Quốc phòng an ninh	Ngoại ngữ	Tin học	Tiếng dân tộc	Tổng số
		Dại học, trên đại học	Chuyên viên cao cấp	Chuyên viên chính	Chuyên viên	Cán sự	Bồi dưỡng	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Dại học	Cao đẳng	Trung cấp	Sơ cấp	Chuyên ngành	Vị trí việc làm	Cấp Sơ	Cấp phòng	Cấp huyện	Cấp xã					
1	Cán bộ, Công chức lãnh đạo cấp huyện và tương đương		19											9	31	11				43	4			117
	Lãnh đạo cấp huyện chức lãnh đạo cấp phòng, ban thuộc tỉnh, huyện và tương đương		5	18					20					5	47	8	18	2		67	8	3		201
2	Các ngạch công chức hành chính		5	97				1	51	1				82	177	35	89	1		55	105	45	6	750
	Chuyên viên cao cấp													1	1									3
3	Chuyên viên chính		2	12										1	2	4	1				1			23
	Chuyên viên			192	279				128	6				543	523	5	166			101	54	91	16	2104
4	Cán sự				22	1								4	10		1			5				43
	Công chức tập sự				63				3	1				6	11	2				3	1		1	91
5	Cán bộ, công chức trong nguồn quy hoạch			17	1				5					21	17	9	34	3		14	9			130
	Dại biểu																							
6	hội đồng nhân dân				2									63	32									98
	Cấp xã								1					63	32									98
7	Cán bộ, công chức cấp xã				2	1				2				465	231									701
	Cán bộ cấp xã				53	69	2		28	20				297	135									701
8	Công chức cấp xã				77				14	37				354	228					54	25	149	16	1056
	Những người hoạt động không chuyên trách cấp xã				8	6			1	70	1	1		57	9					65	23	27		268
Tổng cộng		0	31	391	521	10	0	2	251	137	1	1	0	1908	1454	74	309	6	163	448	268	492	75	6542

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

BM-02/DT

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG VIÊN CHỨC Ở TRONG NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
(kèm theo Quyết định số 1117/QĐ-UBND ngày 24 tháng 5 năm 2021 của UBND tỉnh Tây Ninh)

Đơn vị tính: lượt người

T	Đối tượng	Quản lý nhà nước					Chuyên môn					Chức danh nghề nghiệp				Chức vụ quản lý			Bồi dưỡng bắt buộc cấp nhất kiến thức	Quốc phòng an ninh	Ngoại ngữ	Tin học	Tổng số	Trong đó			
		Dại học, trên đại học	Chuyên viên cao cấp	Chuyên viên chính	Chuyên viên	Cán sự	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Dại học	Cao đẳng	Trung cấp	Sơ cấp	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Hạng IV	Cấp sở	Cấp huyện						Cấp phòng	Người dân tộc thiểu số	Nữ	
1	Viên chức hành đạo	Lãnh đạo cấp tỉnh và tương đương		8			1	4					4				4		5		6				32		8
		Lãnh đạo cấp huyện và tương đương		5											12		2		5		5	2	1		32		5
		Lãnh đạo cấp phòng, ban thuộc tỉnh, huyện và tương đương	1	56	39		4	75					3	41	7		14		106	50	63	35	5	499		107	
2	Viên chức hành chính	Hạng I																						0			
		Hạng II			15								20											35		33	
		Hạng III		29	97			46	1				6	30		1		26	111	118	23	23	511	1	158		
		Hạng IV			1	1		1	6					7				1	9	1	1			28		14	
3	Viên chức chuyên môn	Hạng I																						0			
		Hạng II	4	4	19		5	24	10			5	299	2					515	140	84			1111		886	
		Hạng III		47	136	10	24	500	429	122			474	455		1		9	317	315	80	18	2937		1468		
		Hạng IV			10			4	436	12			244	4				5	212	50	24	1	1002	1	392		
Tổng cộng			5	149	317	11	34	654	882	134	0	0	8	844	757	4	22	0	157	1219	695	248	47	6187	2	3071	

Đơn vị tính: lượt người

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

BM-03/DT

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG
CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC Ở NƯỚC NGOÀI GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
(kèm theo Quyết định số **1117/QĐ-UBND** ngày **24** tháng **5** năm 2021 của UBND tỉnh Tây Ninh)

Nội dung đào tạo, bồi dưỡng													Đơn vị tính: lượt người			
STT	Đối tượng	Quản lý điều hành chương trình KT-XH	Quản lý hành chính công	Quản lý nhà nước chuyên ngành lĩnh vực	Xây dựng và phát triển nguồn nhân lực	Chính sách công, dịch vụ công	Kiến thức hội nhập quốc tế	Phương pháp giảng dạy	Ngoại ngữ	Nội dung khác (ghi cụ thể): ngành y, tham quan khảo sát	Thời gian		Tổng số	Trong đó		
											Trên 1 năm	Từ 2 - 12 tháng		Dưới 2 tháng	Người dân tộc thiểu số	Nữ
1	Cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý	Lãnh đạo cấp tỉnh														
		Lãnh đạo cấp Sở, huyện và tương đương		5	1								6	6		
		Cấp phòng và tương đương	1	4		1							6	6		1
2	Công chức	Công chức tham mưu, hoạch định chính sách		2									2	2		
		Công chức trong nguồn quy hoạch														
3	Giảng viên các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng												0			
4	Đối tượng khác (ghi cụ thể): viên chức chuyên môn ngành y, giáo viên												0			
													0			
Tổng cộng		0	1	11	1	1	0	0	0	0	0	0	12	14	0	1